

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ TĨNH
TỈNH HÀ TĨNH**

Bản án số: 02/2021/DS-ST

Ngày: 07-7-2021

V/v: *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TĨNH – TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Long

Ông Dương Cao Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Ông Dương Việt Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 03/2021/TLST-DS ngày 08/02/2021 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2021/QĐST-DS ngày 24/5/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2021/QĐST-DS ngày 21/6/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị B; Tên gọi khác: Bà G; Sinh năm 1953; Địa chỉ cư trú: Xóm T, xã Đ, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh – *Có mặt*

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đậu Xuân Đồng; Địa chỉ cư trú: Tổ dân phố 4, phường Nam H, thị xã H tỉnh Hà Tĩnh – *Có mặt* và bà Nguyễn Thị D; Địa chỉ cư trú: đường N, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh (Văn bản ủy quyền ngày 23/7/2020) – *Vắng mặt*

Bị đơn: - **Chị Phạm Thị L;** Sinh năm 1985; Địa chỉ cư trú: Xóm T, xã Đ, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh – *Có mặt*

- **Anh Phạm Đức V;** Sinh năm 1981; Địa chỉ cư trú: Xóm T, xã Đ, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh – *Vắng mặt*

- **Chị Lê Thị Thanh T;** Sinh năm 1983; Địa chỉ cư trú: Xóm T, xã Đ, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh – *Có mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị B và người đại diện ủy quyền ông Đậu Xuân Đ trình bày:

- Năm 2018, bà Nguyễn Thị B cho chị Lê Thị Thanh T vay nhiều lần với tổng số tiền 150.000.000đ với lãi suất 2.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Quá trình vay, chị T đã trả cho bà B 2 lần tiền gốc (thông qua chị Phạm Thị L), lần 1 trả 50.000.000đ, lần 2 trả 20.000.000đ, tiền lãi trả bao nhiêu không nhớ. Còn lại 80.000.000đ tiền gốc đến nay chị T chưa trả.

- Ngày 01/3/2019 âm lịch (tức ngày 05/4/2019) bà Nguyễn Thị B cho anh Phạm Đức V và chị Phạm Thị L vay số tiền 300.000.000 đồng với lãi suất 1.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, hai bên không thỏa thuận về thời hạn vay. Quá trình vay đã trả lãi 1 tháng.

Đến ngày 27/6/2019, anh V và chị L viết 01 giấy cam kết trả nợ, trong giấy đó, anh V và chị L gộp cả khoản nợ của chị T, thừa nhận còn nợ bà B số tiền 380.000.000 đồng và hẹn cuối năm 2019 trả cho bà B nhưng không trả.

Vì vậy, bà Nguyễn Thị B khởi kiện yêu cầu anh V, chị L, chị T phải trả cho bà B số tiền còn nợ gồm tiền gốc 380.000.000 đồng và tiền lãi 10%/năm tính từ ngày 27/6/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm.

- Tại Bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn chị Lê Thị Thanh T trình bày:

Năm 2018 chị có vay của bà B nhiều lần với tổng số tiền 150.000.000 đồng. Khoản tiền này chị vay giúp cho chị Phạm Thị L. Đến hạn, chị L đã đưa cho chị trả đủ cho bà B số tiền 150.000.000 đồng tiền gốc và 8.800.000 đồng tiền lãi, ngày trả chị không nhớ cụ thể. Sau đó, chị L đã vay lại bà B số tiền trên. Vì vậy, bà B yêu cầu chị trả 80.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi 10%/năm chị không chấp nhận.

- Tại Bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn chị Phạm Thị L trình bày:

Về thời gian vay, số tiền vay đúng như bà B trình bày. Về lãi suất khi vay thỏa thuận 2.000 đồng/1 triệu đồng /ngày, khi đang làm ăn được hàng tháng chị L và anh V trả lãi đầy đủ cho bà B nhưng nay không nhớ đã trả bao nhiêu, vợ chồng chị cũng không có giấy tờ gì. Đối với số tiền chị T vay của bà B giúp chị thì chị T đã trả đủ cho bà B sau đó chị đã vay lại của bà B, bà B trực tiếp đưa số tiền 150.000.000 đồng cho chị. Quá trình vay chị đã trả 70.000.000 đồng. Nay chị L chấp nhận thanh toán toàn bộ số nợ gốc 380.000.000 đồng cho bà B. Còn đối với số tiền lãi bà B yêu cầu do hiện nay hoàn cảnh khó khăn, xin bà B miễn giảm toàn bộ cho chị.

- Tại Bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Phạm Đức V trình bày:

Việc vay tiền do chị L và bà B thực hiện, anh không trực tiếp nhận tiền. Anh thừa nhận có viết và ký vào các giấy vay tiền, giấy cam kết trả nợ. Nay bà B khởi kiện yêu cầu trả nợ anh chấp nhận cùng vợ là chị Phạm Thị L trả nợ cho bà B và thống nhất với mọi ý kiến của chị L. Anh đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt anh.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468, khoản 2 Điều 469 Bộ luật Dân sự: Buộc anh Phạm Đức V và chị Phạm Thị L có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị B số tiền gốc 380.000.000đ và tiền lãi 10%/năm tính từ ngày 27/6/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm. Chị Lê Thị Thanh Thủy không phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà Nguyễn Thị B. Ngoài ra còn đề nghị về phần án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị B khởi kiện yêu cầu anh Phạm Đức V, chị Phạm Thị L, chị Lê Thị Thanh T thanh toán số tiền đã vay của bà Nguyễn Thị B. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật là “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh. Theo quy định tại điều 429 Bộ luật Dân sự thì thời hiệu khởi kiện vẫn còn. Bị đơn anh Phạm Đức V đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt, theo quy định tại khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Phạm Đức V.

[2] Về nội dung tranh chấp: Xét các Giấy vay tiền, Giấy cam kết trả tiền các bị đơn anh V, chị L, chị T thừa nhận do họ tự viết và ký tên được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có nội dung phù hợp quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự và không trái đạo đức xã hội. Tại Giấy viết tay ngày 27/6/2019 thì anh Phạm Đức V đã thừa nhận số nợ 80.000.000đ của chị Lê Thị Thanh T có chữ ký của chị Thủy, anh V, bà G (B) và tại Biên bản đối chất ngày 24/5/2021 bà B đã thừa nhận chị T đã gửi cho chị L trả đủ tiền vay sau đó chị L vay lại rồi viết giấy chuyển nợ từ T sang L. Do vậy, việc bà B yêu cầu chị T trả nợ là không có căn cứ. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn chị L và anh V thừa nhận số tiền còn nợ bà B là 380.000.000 đồng như nguyên đơn trình bày là đúng và chấp nhận trả nợ. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh. Như vậy, chị T không có nghĩa vụ phải trả nợ cho bà B, còn anh V và chị L có nghĩa vụ trả cho bà B số tiền vay gốc 380.000.000 đồng. Đối với số tiền lãi: Tại các giấy vay tiền các bên thỏa thuận mức lãi suất 2.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày (73%/năm) và 1.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày (36,5%/năm) là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự nên phần lãi vượt quá 20%/năm không có hiệu lực. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền lãi bằng 10%/năm kể từ ngày anh V chị L ký cam kết trả nợ

27/6/2019 là phù hợp quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự nên được chấp nhận. Do vậy, căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468, khoản 2 Điều 469 Bộ luật Dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn anh Phạm Đức V và chị Phạm Thị L phải thanh toán cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị B số tiền gốc 380.000.000đ, tiền lãi 10%/năm tính từ ngày 27/6/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm 07/7/2021 là 77.041.000 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là 457.041.000 đồng; Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn chị Lê Thị Thanh T phải trả số tiền 80.000.000 đồng và tiền lãi 16.219.000 đồng.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp các quy định pháp luật.

[4] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn anh V và chị L trả nợ tổng cộng là 457.041.000 đồng được Tòa án chấp nhận nên theo quy định tại khoản 2 điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc anh V và chị L phải chịu 22.281.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị B không được Tòa án chấp một phần yêu cầu khởi kiện nhưng là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên căn cứ theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội miễn án phí cho bà Nguyễn Thị B.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 92; khoản 1 điều 228; khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 2 Luật người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; tuyên xử:

1. Xét xử vắng mặt bị đơn anh Phạm Đức V.
2. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B về việc buộc bị đơn chị Lê Thị Thanh T phải trả số tiền gốc 80.000.000 đồng, tiền lãi 16.219.000 đồng, tổng cộng là 96.219.000 đồng.
3. Buộc bị đơn anh Phạm Đức V và chị Phạm Thị L phải thanh toán cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị B số tiền gốc 380.000.000đ, tiền lãi 77.041.000 đồng, tổng cộng là 457.041.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án, người thi hành án không tự nguyện thi hành thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; Nếu không có thỏa thuận thì được thực hiện theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

4. Về án phí: Buộc anh Phạm Đức V và chị Phạm Thị L phải chịu 22.281.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Miễn cho bà Nguyễn Thị B toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bên được thi hành án dân sự, bên phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hà Tĩnh;
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- THADS TP Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- L HS,VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Lê Thanh Huyền